

Bản án số: 07/2023/TLST-DS

Ngày: 17/5/2023

“Về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Mây

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Viết Vĩnh

2. Bà Thân Thị Quyên

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện viện kiểm sát: Bà Nguyễn Quỳnh Anh – Kiểm sát viên

Ngày 17/5/2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 36/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09 ngày 27/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1967 - có mặt

Địa chỉ: Xóm T, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Phạm Đình T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 2, Thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 - không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thế T bày: Do quen biết với anh Phạm Đình T nên khi anh T đến nhà hỏi vay tiền để làm ăn ông đã nhất trí cho anh T vay tiền. Cụ thể vào ngày 17/10/2018 (âm lịch) ông cho anh T vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), (thỏa thuận miệng lãi suất 0,8%/năm), hạn ngày trả là ngày 17/01/2019, có lập giấy biên nhận vay tiền, anh T có ký xác nhận người vay tiền. Khoản vay này ông xác định chỉ cho cá nhân anh T vay tiền, không liên quan đến ai khác, vì một mình anh T sang nhà ông hỏi vay và nhận tiền. Đến thời hạn trả nợ anh T không có tiền trả nợ nên khát nợ nhiều lần qua điện thoại cũng như trực tiếp gặp nhau. Lần gần đây nhất ông T và anh T gặp nhau là vào tháng 4/2023 khi anh T về Tòa án giải quyết vụ án khác, hai bên đã đối chiếu tiền trả lãi và thống nhất là T

đã trả lãi hết tháng 3/2020.

Nay ông yêu cầu anh T phải có trách nhiệm trả cho ông toàn bộ số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ tháng 4/2020 đến nay theo thỏa thuận là 0,8%/năm.

Tài liệu kèm theo đơn khởi kiện là Giấy biên nhận vay tiền ngày 17/10/2018 (âm lịch).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần báo gọi anh Phạm Đình T đến làm việc nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Ngày 18/10/2022 Tòa án xác minh tại nơi cư trú của bị đơn được chính quyền địa phương cung cấp: Anh Phạm Đình T có hộ khẩu tại tổ 2, Thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Anh T và vợ là chị Vũ Thị Hương đã ly hôn từ năm 2018 nên hiện anh T ở một mình và thường xuyên đi làm ăn ở các tỉnh, thường xuyên đi về giữa chỗ ở và chỗ làm, không thấy có thông báo tạm trú hay cất khẩu đi đâu.

Tòa án đã làm các thủ tục niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Ngày 21/10/2022 Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý cho anh T tại Tòa án. Ngày 07/4/2023 khi anh T đến Tòa án nhân dân huyện P để giải quyết vụ kiện dân sự khác, Tòa án đã giao Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai cho anh T, anh T nhận Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng từ chối viết bản tự khai.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho hai bên đương sự nhưng anh Phạm Đình T vắng mặt không có lý do nên Tòa án không hòa giải được và phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ông T giữ nguyên quan điểm khởi kiện yêu cầu anh T trả cho ông toàn bộ số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ tháng 4/2020 đến nay theo thỏa thuận giữa hai bên.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ việc; thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự gồm nguyên đơn ông Nguyễn Thế T chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Bị đơn anh Phạm Đình T không chấp hành đúng theo quy định pháp luật.

* Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào trình bày của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và Tòa án thu thập được chưa thể hiện được anh T có thừa nhận việc vay nợ của ông T như đơn khởi kiện hay không, nếu anh T không thừa nhận thì cần đề nghị giám định chữ viết đối với chữ ký nhận tên Phạm Văn T trong giấy biên nhận vay tiền mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án để làm cơ sở tiếp tục giải quyết vụ án theo đúng quy định. Vì vậy, xét thấy Tòa án nhân dân huyện P cần thu thập thêm tài liệu chứng cứ để làm cơ sở tiếp tục xem xét giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định nên Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã có văn bản yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ (Yêu cầu xác minh số 03 ngày 24/4/2023) yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ sau:

- Ghi lời khai của bị đơn về việc có được vay số tiền 500 triệu đồng theo giấy biên nhận vay tiền đến ngày 17/10/2018 như nguyên đơn là ông Nguyễn Thế T đã cung cấp cho Tòa án hay không.

- Trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh cần giám định chữ viết đối với chữ ký và chữ viết họ tên của người vay tiền là Phạm Đình T trong giấy biên nhận vay tiền để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Đến nay Tòa án nhân dân huyện P chưa gửi kết quả xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ nêu trên vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện P không đủ cơ sở để phát biểu về nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Xác định quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc đã vay còn nợ và tiền lãi phát sinh. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Phạm Đình T có nơi cư trú cuối cùng tại Thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

- Việc tham gia tố tụng của các đương sự:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành nghiêm túc các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Phạm Đình T đã nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã làm đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh T nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung quan hệ pháp luật tranh chấp:

- Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng: Ngày 17/10/2018 âm lịch ông Nguyễn Thế T và anh Phạm Đình T có giao dịch và lập giấy biên nhận vay tiền bằng văn bản, nội dung thể hiện anh T có vay của ông T số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), lãi suất theo thỏa thuận miệng, hẹn ngày trả là ngày 17/01/2019. Anh T đã ký xác nhận vào bên người vay tiền; Anh T đã nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án, nội dung Thông báo đã thể hiện rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh T không có phản hồi gì, xác định bị đơn đã mặc nhiên chấp nhận nội dung này. Xét thấy hợp đồng vay tài sản ngày 17/10/2018 giữa ông T với anh T đã phù hợp các quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và có hiệu lực đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, theo như ý kiến trình bày của đương sự và các tài liệu chứng cứ các bên giao nộp, hiện nay anh T vẫn còn nợ ông T số tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ tháng 4/2020 đến nay.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Thế T thấy rằng:

Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền gốc: Phía ông T khai: Ngày 17/10/2018 âm lịch ông cho anh T vay số tiền 500.000.000 đồng, đến ngày xét xử anh T chưa thanh toán khoản tiền gốc nào nên hiện T còn nợ ông T số tiền gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Phía anh T đã trực tiếp nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án nên biết rõ nội dung khởi kiện và chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, Anh T trực tiếp nhận nhưng lại cố tình vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Căn cứ các khoản 3, 5, 11, 12, 15, 16, 25 Điều 71; Điều 72; điểm h khoản 2 Điều 196; khoản 1 Điều 199; Điều 207; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vụ án mà không cần giám định Giấy biên nhận vay tiền ngày 17/10/2018 giữa người cho vay tiền là ông Nguyễn Thế T và người vay tiền là Phạm Đình T.

Như vậy, có thể xác định đến nay anh T còn nợ ông T số tiền gốc là 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và việc ông T yêu cầu anh T phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền trên là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

- Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi: Trong giấy biên nhận vay tiền, các bên không có thỏa thuận lãi suất. Trong quá trình giải quyết ông T khai khi vay có thỏa thuận lãi bằng miệng là 0,8%/năm và tháng 4/2023 hai bên có thống nhất với nhau là anh T đã thanh toán tiền lãi hết tháng 3/2020. Xét thấy mức lãi xuất hai bên thỏa thuận và đã trả cho nhau là phù hợp với Điều 468 BLDS nên chấp nhận. Đối với yêu cầu của ông T đề nghị Tòa án buộc anh T phải tiếp tục trả lãi từ tháng 4/2020 đến nay với mức lãi xuất 0,8%/năm. Xét lời khai của ông T, sau khi cho anh T vay tiền, quá hạn anh T không trả, ông T thường xuyên gặp và qua điện thoại yêu cầu anh T trả gốc và lãi cho mình. Lần cuối cùng gặp nhau là vào tháng 4/2023 hai bên đã xác định lại số tiền gốc và tiền lãi còn thiếu do

vậy HĐXX áp dụng Điều 157 BLDS tính thời hiệu để hưởng lãi xuất cho ông T, cụ thể ông T được tính lãi từ tháng 4/2020 đến khi xét xử.

Hội đồng xét xử căn cứ Điều 157, Điều 468 BLDS chấp nhận yêu cầu của ông T, buộc bị đơn phải trả lãi suất 0,8%/năm trên 500.000.000đ tiền gốc và thời gian trả lãi từ tháng 4/2020 đến ngày xét xử (38 tháng 17 ngày), cụ thể tiền lãi là 154.266.000đ (một trăm năm mươi tư triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn đồng). Như vậy anh Tuấn có trách nhiệm trả cho ông T số tiền cả gốc và lãi là 654.266.000đ (sáu trăm năm mươi tư triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách nhà nước. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

Thông báo về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế T.
 - Buộc anh Phạm Đình T phải trả cho ông Nguyễn Thế T số tiền gốc đã vay là 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh là 154.266.000đ (một trăm năm mươi tư triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn đồng). Tổng số tiền gốc và lãi anh Phạm Đình T phải thanh toán cho ông T là 654.266.000đ (sáu trăm năm mươi tư triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Thế T có đơn yêu cầu thi hành, nếu anh Phạm Đình T không tự nguyện thi hành được khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS.

2. Về án phí: Anh Phạm Đình T phải nộp 26.170.640đ (hai mươi sáu triệu một trăm bảy mươi ngàn sáu trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước. Hoàn trả ông Nguyễn Thế T số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002926 ngày 10/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh T, có mặt ông T. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt tại phiên toà; kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với người vắng mặt tại phiên toà./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (1 bản);
- VKS ND huyện (2 bản);
- T.H.A DS huyện (1 bản);
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu HS, VP, bộ phận;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Mây

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (1 bản);
- VKS ND huyện (2 bản);
- T.H.A DS huyện (1 bản);
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu HS, VP, bộ phận;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy